

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	ĐDLX	KT LX	CTSC TT	NVVT	Luật	TH LX	Ghi Chú
	Lê Thị Ngọc	Cầm	30/03/1982	10.0	10.0	9.5	10.0	9.0		
	Tô Thị Kim	Chi	08/11/1987	7.0	5.0	10.0	6.0	9.0		
	Bùi Văn	Chinh	15/11/1993	9.3	10.0	9.0	9.5	6.5		
	Vô Phi	Cường	14/05/1968	9.5	9.8	9.0	9.5	9.5		
	Lê Hội	Đàm	02/09/1968	10.0	10.0	10.0	10.0	9.5		
	Trần Thị Kiều	Diễm	01/11/1990	9.5	10.0	10.0	9.8	9.0		
	Trần Văn	Định	01/04/1985	9.3	9.8	7.0	9.3	10.0		
	Trần Thị Thoại	Hằng	12/10/1990	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0		
	Nguyễn Trọng	Hiệu	26/07/1998	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0		
	Trần Minh	Hoàng	05/12/1991	10.0	10.0	9.5	10.0	9.5		
	Đoàn Quang	Hội	15/08/1983	9.8	10.0	10.0	9.8	10.0		
	Nguyễn Xuân	Hội	29/07/1998	8.8	8.3	7.5	9.5	7.5		
	Nguyễn Đình	Hùng	10/10/1995	9.3	9.8	9.0	9.5	10.0		
	Lê Minh	Hưng	20/06/1973	9.5	10.0	9.8	9.3	9.0		
	Hồ Vĩnh	Huỳnh	06/06/1992	10.0	10.0	9.5	9.8	10.0		
	Dương Thị Thúy	Kiều	02/09/1980	10.0	10.0	8.8	9.8	9.5		
	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	12/10/1977	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0		
	Nguyễn Quang	Kỳ	05/12/1995	8.3	9.8	9.5	8.5	10.0		
	Phan Ngọc	Lân	19/03/1981	9.3	9.8	9.5	9.5	5.5		
	Đặng Thị Thùy	Linh	22/05/1982	9.8	10.0	9.5	10.0	10.0		
	Lê Hữu	Lộc	22/04/1998	9.0	9.8	9.0	9.5	10.0		
	Nguyễn Thị	Mần	08/03/1985	9.3	9.8	9.0	9.5	9.5		
	Phan Hữu	Minh	09/11/1983	9.3	9.8	10.0	10.0	9.5		
	Nguyễn Thị	Mỹ	20/05/1989	10.0	10.0	9.0	10.0	9.0		
	Vô Hoài	Nam	02/09/1968	9.5	6.8	10.0	10.0	9.0		
	Nguyễn	Nghĩa	10/04/1969	5.0	5.0	6.5	5.0	9.5		
	Lê Thị Bảo	Như	10/10/1987	9.5	10.0	9.5	10.0	9.0		
	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/08/1990	10.0	10.0	9.0	10.0	8.5		
	Huỳnh Lê Tiến	Phát	11/02/1990	10.0	10.0	10.0	10.0	5.5		
	Dương Văn	Phước	25/05/1994	9.8	10.0	10.0	8.3	9.5		
	Huỳnh Thị Thanh	Phương	21/07/1984	9.5	10.0	9.5	10.0	8.0		
	Lê Thị Thúy	Phương	08/04/1979	10.0	10.0	10.0	9.8	10.0		
	Phan Huỳnh Hải	Phương	03/08/1984	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5		
	Nguyễn Bảo	Quốc	26/06/1995	9.5	10.0	9.5	10.0	10.0		
	Phạm Thị	Thắm	10/06/1981	10.0	9.5	8.8	9.8	9.5		
	Trần	Thắng	07/09/2003	9.3	9.8	9.0	9.5	8.0		
	Phạm Việt	Thanh	10/10/1975	10.0	10.0	9.0	9.8	9.5		
	Nguyễn Thị Như	Thảo	06/03/1992	9.3	9.8	9.0	9.5	8.5		
	Phạm	Thơ	24/03/1970	9.3	10.0	10.0	9.8	8.5		
1	Đàm Phạm	Thọ	20/01/1986							Học lại 5 môn
	Nguyễn Thị Kim	Thoa	04/04/1974	9.8	10.0	10.0	7.5	6.5		
	Nguyễn Thị	Thuận	12/05/1998	9.0	9.5	8.5	9.3	9.0		
	Vương Văn	Thuộc	20/03/1976	9.8	10.0	10.0	7.5	8.5		
	Đoàn Văn	Thương	03/12/1992	9.3	9.8	9.0	9.5	9.5		
	Nguyễn Hoài	Thương	05/11/1987	9.0	9.0	8.5	8.8	10.0		
	Trương Công	Thường	04/04/1996	10.0	10.0	9.0	9.5	7.0		
	Đinh Văn	Tí	01/07/1985	9.5	9.5	9.0	9.8	9.5		
	Đoàn Thị Nhã	Tiên	27/09/1981	9.8	10.0	10.0	10.0	9.0		

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	ĐDLX	CTLX	CTSC TT	NVVT	Luật	THLX	Ghi Chú
	Nguyễn Hoài	Tiến	02/03/2002	8.3	9.8	9.3	8.5	7.5		
	Phạm Minh	Tín	25/04/2003	9.5	9.8	10.0	10.0	7.5		
	Ksor Y	Tleng	03/08/1972	9.5	9.5	8.8	8.0	10.0		
	Nguyễn Văn	Trị	01/07/1982	6.3	7.0	9.5	6.3	10.0		
	Nguyễn Thị Thu	Vân	15/10/1980	9.5	10.0	9.5	9.0	9.5		
	Đỗ Xuân	Vinh	02/06/1984	9.3	10.0	10.0	9.8	10.0		
	Lê Hoàng	Vũ	28/11/1981	10.0	10.0	9.5	10.0	9.5		
	Phạm Thế	Vũ	18/06/1976	8.5	9.8	9.5	9.0	9.5		

Tổng số : 1

Phú Yên, ngày tháng năm 2021